TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1363/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 21 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1101/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Châu H, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: Số 131 Đặng Văn Bi, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, THnh phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: Số 131 Đặng Văn Bi, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, THnh phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 13 tháng 11 năm 2019 bà Nguyễn Thị Châu H và ông Nguyễn Văn V thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Châu H, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973 thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao 03 (ba) con chung Nguyễn Trí Thành V (nam), sinh ngày 15/02/2002; Nguyễn Phúc Minh A (nữ), sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thanh T (nam), sinh ngày 23/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Châu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung/nợ chung: Không có; Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Châu H và ông Nguyễn Văn V chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 13 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Châu H, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 (ba) con chung Nguyễn Trí Thành V (nam), sinh ngày 15/02/2002; Nguyễn Phúc Minh A (nữ), sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 23/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Châu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung/nợ chung: Không có

- Các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Châu H và ông Nguyễn Văn V phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà H, ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003978 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H, ông V đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, Q.Thủ Đức;
- UBND phường Trường Thọ quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh